



BÀI GIẢNG:
**KỸ THUẬT KHAI THÁC
VÀ BẢO DƯỠNG Ô TÔ**

NGUYỄN ĐÌNH HÙNG
BỘ MÔN : Ô TÔ VÀ MÁY ĐỘNG LỰC

KHAI THÁC VÀ BẢO DƯỠNG Ô TÔ

Mã môn học: TR3123

Giảng viên: NGUYỄN ĐÌNH HÙNG

NỘI DUNG

Số tín chỉ	3	ETCS			M S M H	TR312	Học kỳ áp dụng		HK 211	
Số tiết/Giờ	Tổng tiết TKB	Tổng giờ học tập/làm việc	LT	BT/TH	T N g	TQ	BTL /TL/ DA	TTNT	DC/ TL N/ LVT N	SVTH
			30		3 0					
Phân bổ tín chỉ										
Môn không xếp TKB										
Tỉ lệ đánh giá	BT: 10%		TN: 20%		TH: 0%	KT: 20 %	BTL/TL: 0%		Thi: 50%	
Hình thức đánh giá	– Kiểm tra đánh giá thường xuyên (BT): Bài tập trên lớp, bài tập về nhà, bài tập thực hành, chuyên cần					Thời gian Kiểm Tra			60 phút	
	– Thí nghiệm – Kiểm tra (KT): Tự luận – Thi: Tự luận					Thời gian Thi			90 phút	
Môn tiên quyết										
Môn học trước	– Kết cấu động cơ – Kết cấu ô tô					– TR2007 – TR2013				
Môn song hành										
CTĐT ngành	Kỹ thuật ô tô									
Trình độ đào tạo	Đại học									
Cấp độ môn học										
Ghi chú khác										

Mục tiêu của môn học:

Cung cấp cho người học những kiến thức về khai thác và bảo trì ô tô hiện đại. Sau khi học xong, sinh viên có khả năng:

- Sử dụng và khai thác được ô tô một cách hợp lý.
- Tuân thủ luật giao thông đường bộ Việt nam
- Vận hành được ô tô
- Xây dựng được quy trình bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô hợp lý.

NỘI DUNG

CHƯƠNG I: Các khái niệm về khai thác ô tô

CHƯƠNG II: Luật giao thông đường bộ Việt nam

CHƯƠNG III: Kỹ năng vận hành ô tô

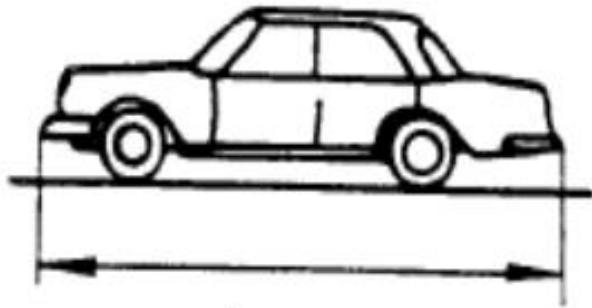
CHƯƠNG IV: Kỹ thuật lái xe

CHƯƠNG V: Bảo dưỡng kỹ thuật ô tô

CHƯƠNG VII: Đạo đức người ô tô và văn hóa giao thông

Chương : 1

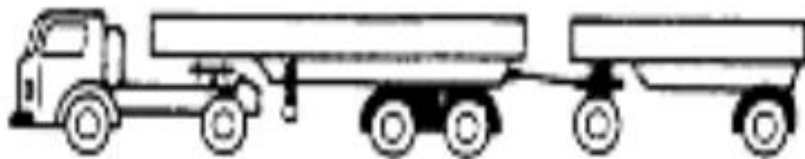
1. Các khái niệm về khai thác ô tô



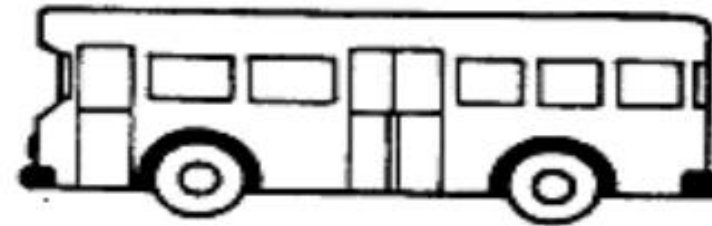
Ô tô con



Tổ hợp ô tô - rơ moóc



Tổ hợp đầu kéo - sơ mi rơ moóc - rơ moóc

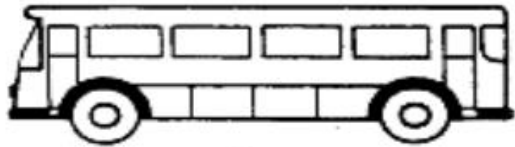


Ô tô khách thành phố

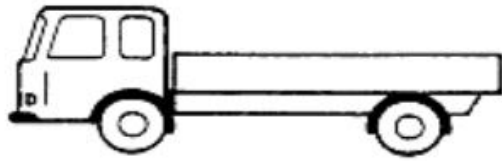
Chương : 1



Tổ hợp đầu kéo - sơ mi rơ moóc



Ô tô khách đường dài



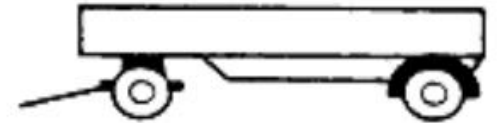
Ô tô tải



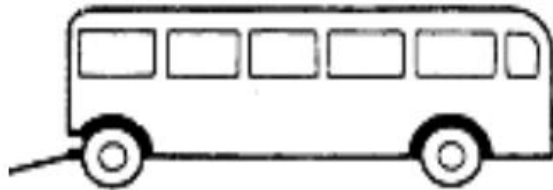
Ô tô khách nối toa



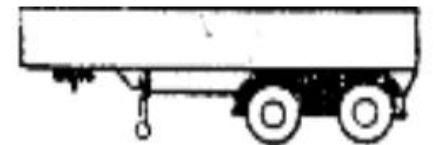
Ô tô chuyên dùng



Rơ moóc chở hàng



Rơ moóc chở khách



Sơ mi rơoóc

Chương : 1

a. Khái niệm về ô tô:

Ô tô là loại phương tiện giao thông chạy bằng 4 bánh có chở theo động cơ của chính nó.

b. Khái niệm về kinh doanh vận tải:

Hoạt động kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và việc cấp, thu hồi Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, phù hiệu, biển hiệu; về công bố bến xe được quy định tại Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ. Theo đó hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định được quy định cụ thể như sau:

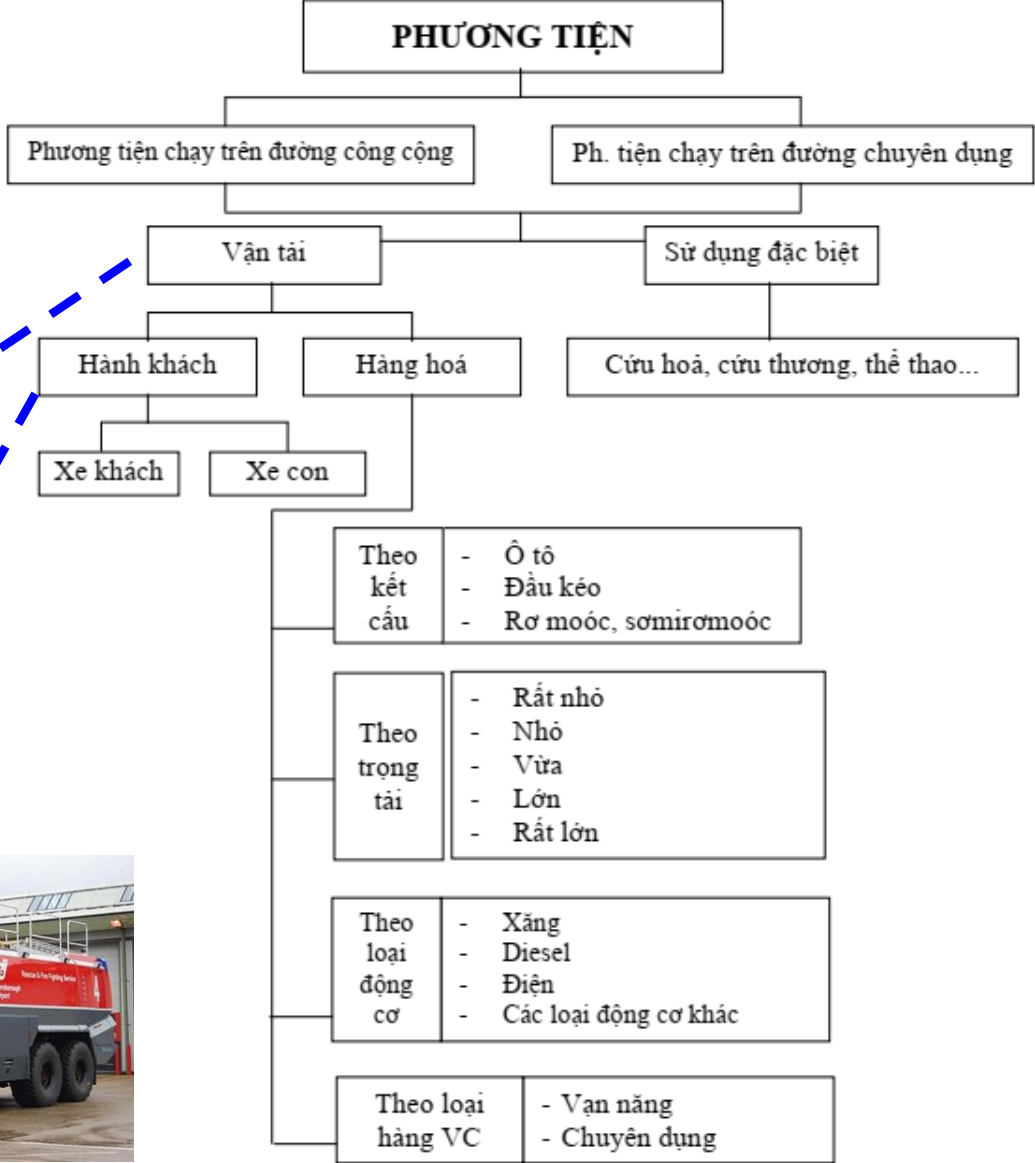
Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô là việc thực hiện ít nhất một trong các công đoạn chính của hoạt động vận tải (trực tiếp điều hành phương tiện, lái xe hoặc quyết định giá cước vận tải) để vận chuyển hành khách, hàng hóa trên đường bộ nhằm mục đích sinh lợi.

Tuyến cố định là tuyến vận tải hành khách được cơ quan có thẩm quyền công bố, được xác định bởi hành trình, lịch trình, bến xe khách nơi đi, bến xe khách nơi đến (điểm đầu, điểm cuối đối với tuyến xe buýt).

Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định là kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô có xác định bến xe khách nơi đi, bến xe khách nơi đến với lịch trình, hành trình nhất định.

Chương : 1

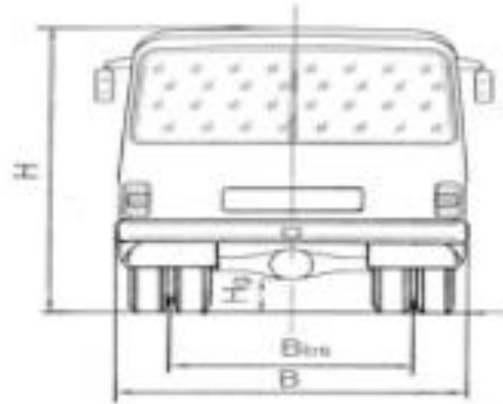
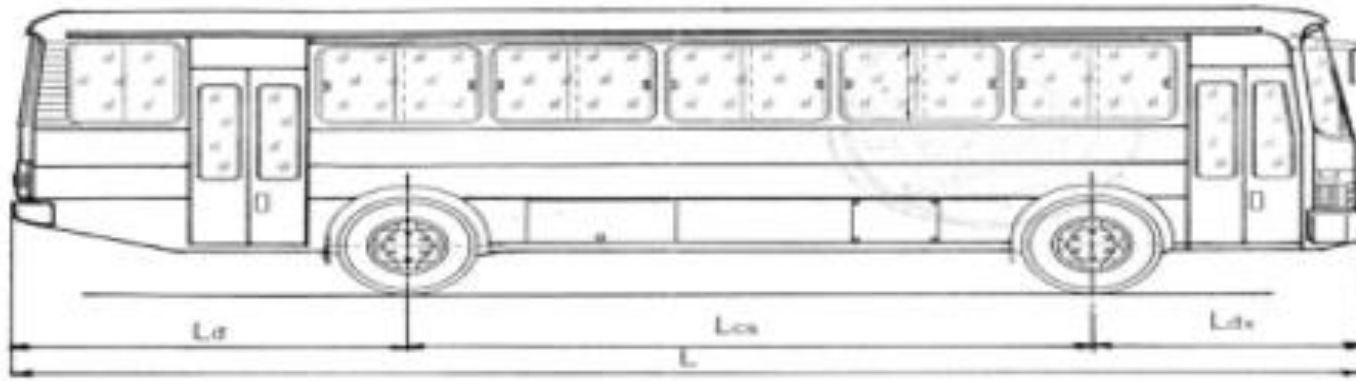
1.2 SƠ ĐỒ PHƯƠNG TIỆN:



Chương : 1

1.3 CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

a. Các thông số cơ bản của phương tiện vận tải ô tô



Lđx – chiều dài đầu xe
Lcs – chiều dài cơ sở
Lđ – chiều dài đuôi xe
L – chiều dài toàn bộ

Hg – khoảng sáng gầm xe
Bbt – vết bánh xe trước
Bbs – vết bánh xe sau
B – chiều rộng toàn bộ

Chương : 1

b. Các thông số cơ bản của ô tô



- Trọng tải, sức chứa;
- Kích thước giới hạn: dài (L), rộng (B), cao (H) (mét);
- Chiều dài cơ sở l_B (mét);
- Khoảng cách từ cầu trước đến mũi xe d (mét);
- Khoảng cách từ cầu sau đến thùng xe e (mét);
- Vết bánh xe trước n (mét);
- Vết bánh xe sau m (mét).
- Chiều rộng lớn nhất khi có thùng (B_T) (mét);
- Bán kính quay vòng của phương tiện (mét);
- Cỡ lốp (mét);
- Số lượng trục (trục);
- Số lượng bánh xe (chiếc);
- Chiều cao lớn nhất của ô tô khi có thùng (mét);
- Tổng trọng lượng xe (tấn);
- Trọng lượng trục sau (tấn);
- Công suất động cơ (mã lực);
- Tiêu hao nhiên liệu (lít / 100 Km);
- Dung tích bình xăng (lít)